BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 2170 /QĐ-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày 09 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2360/QĐ-ĐHHHVN ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường;

Căn cứ Kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2022;

Căn cứ Biên bản xác định phương án xét trúng tuyển kỳ tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2022, ngày 08 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-ĐHHHVN ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc xác định điểm trúng tuyển cao học đợt 2 năm 2022;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 157 thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2022 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển có nghĩa vụ hoàn thành thủ tục nhập học theo quy định của Nhà Trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng các phòng: TC-HC, KH-TC; Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ GDĐH - Bộ GD&ĐT (*để báo cáo*);
- Lưu VT, Viện ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

PGS.TS. Phạm Xuân Dương

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM
HĐTS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2170/QĐ-ĐHHHVN, ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

I. Phương thức thi tuyển (áp dụng cho chuyên ngành Quản lý kinh tế, Quản lý tài chính)

TT	Họ và tên học viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐGNL NN (Tiếng Anh)	Đánh giá năng lực (Toán & KTH)	Đối tượng ưu tiên
1. Ngành: Quản lý kinh tế - Mã số: 8310110 Chuyên ngành: Quản lý kinh tế (108 thí sinh)								
1.	Nguyễn Đức	Anh	Nam	02.11.1996	Quảng Ninh	Miễn TA	9,0	
2.	Ngô Thị Kim	Anh	Nữ	23.09.1994	Hải Phòng	54	8,5	
3.	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	05.09.1998	Hải Dương	70	9,5	
4.	Hoàng	Anh	Nam	28.02.1993	Hải Phòng	67	7,5	
5.	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	28.06.1993	Sơn La	83	10,0	
6.	Nguyễn Trọng	Cường	Nam	01.08.2000	Hải Phòng	69	10,0	
7.	Đỗ Xuân	Đại	Nam	25.09.1987	Hải Phòng	71	8,5	
8.	Phạm Hải	Đăng	Nam	31.10.1987	Hưng Yên	58	10,0	
9.	Trần Tiến	Đạt	Nam	25.01.1999	Hải Phòng	Miễn TA	10,0	
10.	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	10.11.1996	Hải Phòng	68	7,5	
11.	Lê Yến	Diệp	Nữ	28.07.1999	Quảng Ninh	57	9,5	
12.	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	10.02.1997	Hải Phòng	74	10,0	
13.	Bùi Văn	Đông	Nam	08.04.1990	Hải Phòng	65	9,0	
14.	Nguyễn Đình	Dũng	Nam	26.05.1992	Hưng Yên	66	9,0	
15.	Nguyễn Trung	Dũng	Nam	09.06.1982	Quảng Ninh	85	9,0	
16.	Dương Văn	Dũng	Nam	19.07.1982	Hải Phòng	71	8,5	
17.	Vũ Thùy	Dương	Nữ	08.09.2000	Hải Phòng	Miễn TA	8,5	
18.	Bùi Đức	Dương	Nam	16.12.1991	Hải Phòng	80	8,5	
19.	Nguyễn Đình	Duy	Nam	16.02.1967	Hải Phòng	Miễn TA	8,0	
20.	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	01.02.1998	Hải Phòng	Miễn TA	9,5	
21.	Vũ Nữ Trà	Giang	Nữ	10.10.1988	Ninh Bình	Miễn TA	8,5	
22.	Vũ Trung	Hải	Nam	27.08.1997	Hải Phòng	Miễn TA	7,5	
23.	Lê Xuân	Hân	Nam	23.10.1995	Hải Phòng	61	9,5	
24.	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	Nữ	20.04.1988	Long An	83	8,5	
25.	Vũ Thu	Hằng	Nữ	17.09.1985	Hải Dương	54	7,0	
26.	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	10.10.1990	Hải Phòng	Miễn TA	8,5	

Scanned with CamScanner

TT	Họ và tên học viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐGNL NN (Tiếng Anh)	Đánh giá năng lực (Toán & KTH)	Đối tượng ưu tiên
27.	Phạm Thị	Hiền	Nữ	17.05.2000	Hải Phòng	Miễn TA	9,0	
28.	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	12.09.1992	Hải Phòng	65	9,0	
29.	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	29.07.2000	Nam Định	Miễn TA	8,5	
30.	Nguyễn Xuân	Hiếu	Nam	16.08.1989	TP. Hồ Chí Minh	80	9,0	
31.	Đỗ Thị Ánh	Hoa	Nữ	16.11.1985	Hải Phòng	65	8,0	
32.	Nhữ Thị	Hoa	Nữ	02.08.1987	Quảng Ninh	51	9,5	
33.	Vũ Nhân	Hòa	Nam	27.12.1995	Hải Phòng	77	9,5	
34.	Trần Việt	Hoàn	Nam	12.11.1995	Hải Phòng	65	9,0	
35.	Phạm Huy	Hoàng	Nam	22.09.1997	Hải Phòng	Miễn TA	9,5	
36.	Nguyễn Đại	Hoàng	Nam	21.05.1996	Khánh Hoà	65	9,0	
37.	Vũ Huy	Hùng	Nam	11.03.1994	Hải Phòng	73	10,0	
38.	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	28.08.1991	Quảng Ninh	78	10,0	
39.	Nguyễn Duy	Hưng	Nam	19.10.2000	Hải Phòng	Miễn TA	8,0	
40.	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28.06.1992	Hải Phòng	Miễn TA	9,5	
41.	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	10.07.1996	Quảng Ninh	66	9,0	
42.	Nguyễn Đình	Huy	Nam	14.05.1982	Thái Bình	Miễn TA	8,5	
43.	Nguyễn Khắc	Huy	Nam	04.06.1979	Hải Phòng	66	6,0	
44.	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	20.11.1996	Hải Phòng	Miễn TA	9,0	
45.	Lê Thị	Huyền	Nữ	22.11.1990	Thanh Hóa	88	8,5	
46.	Đào Quang	Khải	Nam	10.10.1994	Hải Phòng	66	8,5	
47.	Đặng Duy	Khánh	Nam	19.10.1995	Hải Phòng	85	9,5	
48.	Đặng Tuấn	Khương	Nam	21.04.1992	Quảng Ninh	64	9,5	
49.	Đào Trung	Kiên	Nam	22.08.2000	Hải Phòng	Miễn TA	8,0	
50.	Nguyễn Thị Kim	Lài	Nữ	11.03.1994	Nghệ An	Miễn TA	8,0	
51.	Lê Thị	Linh	Nữ	12.06.1988	Hải Phòng	Miễn TA	10,0	
52.	Phạm Khánh	Linh	Nữ	26.02.2000	Hải Phòng	Miễn TA	7,5	
53.	Trần Khánh	Linh	Nữ	27.01.1974	Thái Bình	Miễn TA	9,0	
54.	Ngô Thuỳ	Linh	Nữ	12.01.1998	Quảng Ninh	78	10,0	
55.	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	18.08.1998	Quảng Ninh	75	10,0	
56.	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	09.05.1997	Hải Phòng	74	9,5	
57.	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	01.10.1988	Hải Phòng	76	7,5	
58.	Đỗ Thị Quỳnh	Mai	Nữ	06.03.1997	Hải Phòng	Miễn TA	8,5	
59.	Phạm Thị	Miền	Nữ	15.07.1984	Hải Phòng	Miễn TA	10,0	
60.	Nguyễn Xuân	Minh	Nam	09.03.1998	Hải Phòng	Miễn TA	8,0	
61.	Phạm Hùng	Nam	Nam	11.05.1988	Quảng Ninh	75	9,0	
62.	Đoàn Thị	Nga	Nữ	26.12.1991	Hải Phòng	77	9,5	
63.	Trần Thanh	Ngân	Nam	17.04.1999	Hải Phòng	Miễn TA	10,0	
64.	Phạm Trung	Nghĩa	Nam	22.02.1991	Hải Phòng	Miễn TA	9,5	
65.	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	10.09.1998	Quảng Ninh	83	10,0	

Scanned with CamScanner

TT	Họ và tên học viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐGNL NN (Tiếng Anh)	Đánh giá năng lực (Toán & KTH)	Đối tượng ưu tiên
66.	Phạm Văn	Phượng	Nam	21.05.1974	Hải Phòng	72	9,0	ĐTUT
67.	Bùi Thị	Phượng	Nữ	17.10.1991	Hải Phòng	77	9,0	
68.	Lưu Thị Mai	Quỳnh	Nữ	29.06.1998	Hải Phòng	Miễn TA	8,5	
69.	Lê Trang Ái	Tâm	Nữ	16.10.1983	Hà Nội	Miễn TA	9,0	
70.	Trịnh Xuân	Thái	Nam	20.05.1982	Thanh Hóa	58	8,0	
71.	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	07.10.1996	Hải Phòng	60	9,0	
72.	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	30.04.1984	Quảng Ninh	Miễn TA	7,5	
73.	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	25.06.1998	Hải Phòng	Miễn TA	8,5	
74.	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	15.01.1994	Hải Phòng	Miễn TA	10,0	
75.	Đỗ Thu	Thảo	Nữ	01.09.1991	Hải Phòng	75	9,5	
76.	Lương Thị	Thảo	Nữ	09.05.1995	Quảng Ninh	56	8,0	
77.	Phạm Xuân	Thi	Nữ	16.11.1995	Hải Phòng	66	7,5	
78.	Vũ Văn	Thịnh	Nam	17.09.1988	Vĩnh Phúc	62	10,0	
79.	Phạm Thị	Thoa	Nữ	06.11.1988	Thái Bình	72	8,0	
80.	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	13.09.1997	Quảng Ninh	71	9,0	
81.	Lê Thị Hà	Thu	Nữ	17.02.1996	Hải Phòng	77	9,5	
82.	Bùi Thị	Thương	Nữ	03.04.1998	Hải Phòng	Miễn TA	9,0	
83.	Đỗ Thu	Thuỷ	Nữ	23.09.1995	Hải Phòng	68	8,0	
84.	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	01.01.1987	Hà Nam	Miễn TA	7,5	
85.	Mai Thị Thu	Thủy	Nữ	19.05.1990	Nam Định	88	7,0	
86.	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	03.11.1998	Hải Phòng	59	8,5	
87.	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	28.12.1991	Quảng Ninh	71	8,5	
88.	Nguyễn Thị	Thuyết	Nữ	03.03.1985	Hải Phòng	87	8,0	
89.	Nguyễn Duy	Tiến	Nam	15.10.1995	Thái Bình	66	8,0	
90.	Đặng Văn	Tiến	Nam	28.12.1988	Hải Phòng	65	8,0	
91.	Trần Đức	Toại	Nam	22.10.1991	Thái Bình	Miễn TA	8,0	
92.	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	20.08.1991	Hải Phòng	Miễn TA	8,5	
93.	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	07.07.1994	Hải Phòng	81	10,0	
94.	Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	25.01.1999	Hải Phòng	74	9,0	
95.	Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	11.06.1988	Quảng Ninh	82	6,0	
96.	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	23.09.1987	Quảng Ninh	75	8,0	
97.	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	14.09.1988	Quảng Ninh	75	6,5	
98.	Hoàng Đình	Trình	Nam	15.02.1992	Hải Phòng	66	7,5	
99.	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	17.05.1996	Hà Nội	Miễn TA	8,5	
100.	Mai Anh	Trúc	Nam	19.04.2000	Hải Phòng	Miễn TA	7,0	
101.	Nguyễn Ngọc	Trường	Nam	10.05.1984	Bà Rịa -Vũng Tàu	Miễn TA	9,0	
102.	Đào Trọng	Tuân	Nam	18.10.1978	Thái Bình	72	8,5	
103.	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	27.12.1975	Quảng Ninh	73	7,5	
104.	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	23.08.1992	Hải Phòng	Miễn TA	8,0	

Scanned with CamScanner

TT	Họ và tên học viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐGNL NN (Tiếng Anh)	Đánh giá năng lực (Toán & KTH)	Đối tượng ưu tiên
105.	Quản Duy	Tùng	Nam	31.07.1988	Hải Phòng	69	8,5	
106.	Lê Văn	Ứng	Nam	31.12.1974	Hải Phòng	69	6,0	
107.	Đào Trung	Vinh	Nam	23.08.1991	Hải Phòng	77	6,5	
108.	Lưu Văn	Vinh	Nam	14.09.1983	Quảng Ninh	82.	9,5	
2. Ngành: Quản lý kinh tế - Mã số 8310110 Chuyên ngành: Quản lý tài chính (10 thí sinh)								
109.	Bùi Thuỳ	Dương	Nữ	15.09.1988	Hải Phòng	76	8,5	
110.	Lê Diệu	Hằng	Nữ	04.09.1985	Hải Phòng	50	8,0	
111.	Bùi Văn	Hiếu	Nam	12.03.1988	Thái Bình	52	8,5	
112.	Nguyễn Thị Ngọc	Hường	Nữ	05.07.1993	Hải Phòng	Miễn TA	8,5	
113.	Đào Văn	Minh	Nam	28.09.1999	Hải Phòng	Miễn TA	10,0	
114.	Nguyễn Lê Bích	Ngọc	Nữ	22.08.2000	Hải Phòng	Miễn TA	6,0	
115.	Nguyễn Nam	Phong	Nam	28.12.1994	Hải Phòng	74	9,5	
116.	Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	08.12.2000	Hải Phòng	Miễn TA	8,5	
117.	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	17.07.2000	Hải Phòng	Miễn TA	9,0	
118.	Nguyễn Xuân	Vinh	Nam	31.10.1995	Hải Phòng	68	9,0	

Tổng số: 118 thí sinh.

Scanned with CamScanner

II. Phương thức xét tuyển (áp dụng cho các chuyên ngành còn lại)

TT	Họ và tên học viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp Đại học	Xếp loại tốt nghiệp Đại học	Đánh giá năng lực NN (Tiếng Anh)	Đối tượng ưu tiên
1. Ngành: Khoa học hàng hải - Mã số 8840106 Chuyên ngành: Quản lý hàng hải (06 thí sinh)									
1.	Nguyễn Xuân	Hải	Nam	16.11.1996	Quảng Ninh	Kinh tế vận tải biển	Trung bình	56	
2.	Phạm Quốc	Hùng	Nam	06.08.1975	Hải Phòng	Điều khiển tàu biển	Trung bình	Miễn TA	
3.	Nguyễn Đăng	Hùng	Nam	06.04.1996	Đồng Nai	Điều khiển tàu biển	Trung bình	52	
4.	Nguyễn Bá	Phong	Nam	26.12.1991	Hải Phòng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	68	
5.	Nguyễn Hải	Sơn	Nam	06.11.1974	Hải Phòng	Vô tuyến điện tàu biển	Trung bình	60	
6.	Hoàng Việt	Thắng	Nam	24.04.1993	Hải Phòng	Điều khiển tàu biển	Khá	Miễn TA	
2. Ngành: Kỹ thuật môi trường - Mã số 8520320 Chuyên ngành: Quản lý môi trường (07 thí sinh)									
7.	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	29.12.1998	Hải Phòng	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Khá	80	
8.	Tăng Xuân	Bộ	Nam	21.05.1995	Hải Phòng	Quản lý đất đai	Khá	69	
9.	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	10.08.1997	Hải Phòng	Kỹ thuật môi trường	Khá	63	
10.	Lê Văn	Ngọc	Nam	20.12.1993	Hải Dương	Nuôi trồng thủy sản	Khá	65	
11.	Đàm Văn	Quỳnh	Nam	30.07.1974	Thái Bình	Công nghệ sinh học	Khá	63	
12.	Lê Tiến	Thành	Nam	06.08.1980	Thái Nguyên	Công nghệ sinh học	Khá	58	ĐTƯT
13.	Nguyễn Văn	Tiếp	Nam	08.06.1984	Hải Phòng	Kỹ thuật môi trường	Khá	70	
3. Ngành: Kỹ thuật môi trường - Mã số 8520320 Chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường (01 thí sinh)									
14.	Phong Hiệp	Long	Nam	03.03.2000	Quảng Ninh	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khá	70	

Scanned with CamScanner

TT	Họ và tên học viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp Đại học	Xếp loại tốt nghiệp Đại học	Đánh giá năng lực NN (Tiếng Anh)	Đối tượng ưu tiên
4. Ngành: Công nghệ thông tin - Mã số 8480201 Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (03 thí sinh)									
15.	Triệu Hồng	Anh	Nữ	22.10.1997	Hải Phòng	Kỹ thuật phần mềm	Khá	88	
16.	Nguyễn Phương	Thành	Nam	01.08.1981	Hải Phòng	Tin học	Trung bình khá	81	
17.	Vũ Huy	Trung	Nam	03.04.1986	Hải Phòng	Công nghệ thông tin	Xuất sắc	Miễn TA	
5. Ngành: Kỹ thuật điền khiển và tự động hóa - Mã số 8520216 Chuyên ngành: Kỹ thuật điền khiển và tự động hóa (03 thí sinh)									
18.	Hoàng Xuân	Hiếu	Nam	11.08.1981	Nghệ An	Điện, Điện tử	Trung bình khá	Miễn TA	
19.	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	02.03.2000	Hải Phòng	Điện tự động công nghiệp	Giỏi	Miễn TA	
20.	Lê Thị Kiều	Thoa	Nữ	19.11.1998	Hải Phòng	Truyền động điện và TĐH	Khá	77	
6. Ngành: Kỹ thuật điện tử - Mã số 8520203 Chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông (03 thí sinh)									
21.	Đặng Mạnh	Hùng	Nam	16.07.1982	Hải Phòng	Quản trị kinh doanh	Trung bình khá	54	
22.	Trương Việt	Hưng	Nam	21.12.1992	Hà Nội	Kỹ thuật điện, điện tử	Khá	51	
23.	Hoàng Thị Thuý	Nga	Nữ	28.01.2000	Hải Phòng	Điện tử viễn thông	Xuất sắc	Miễn TA	
7. Ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực - Mã số 8520116 Chuyên ngành: Kỹ thuật tàu thủy (01 thí sinh)									
24.	Nguyễn Trung	Hải	Nam	13.01.2000	Hải Phòng	Đóng tàu và CT ngoài khơi	Khá	Miễn TA	
8. Ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực - Mã số 8520116 Chuyên ngành: Quản lý sản xuất công nghiệp (02 thí sinh)									
25.	Bùi Thành	Công	Nam	10.01.2000	Hải Phòng	Kỹ thuật Cơ điện tử	Giỏi	Miễn TA	
26.	Đặng Như Kiều	Tam	Nam	24.10.1997	Hải Phòng	Kỹ thuật cơ khí	Trung bình	Miễn TA	
9. Ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực - Mã số 8520116 Chuyên ngành: Quản lý kỹ thuật (02 thí sinh)									
27.	Trần Đình	Du	Nam	01.09.1988	Hải Phòng	Công nghệ chế tạo máy	Trung bình khá	79	
28.	Lê Đình	Ninh	Nam	10.08.1980	Thanh Hóa	Khai thác máy tàu biển	Trung bình	60	

Scanned with CamScanner

TT	Họ và tên học viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp Đại học	Xếp loại tốt nghiệp Đại học	Đánh giá năng lực NN (Tiếng Anh)	Đối tượng ưu tiên
10. Ngành: Tổ chức và quản lý vận tải - Mã số 8840103 **Chuyên ngành: Quản lý vận tải và Logistics (06 thí sinh)**									
29.	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	04.12.2000	Hải Phòng	Logistics và chuỗi cung ứng	Khá	Miễn TA	
30.	Nguyễn Tuấn	Dương	Nam	26.08.1998	Hải Phòng	Kinh doanh quốc tê	Khá	85	
31.	Ngô Ngọc	Hải	Nam	27.05.1997	Hải Phòng	Quản trị kinh doanh	Trung bình khá	62	
32.	Nguyễn Hải	Nam	Nam	05.09.1993	Hải Phòng	Kinh tế vận tải biển	Khá	85	
33.	Trần Ngọc	Phúc	Nam	30.09.1998	Hải Phòng	Khai thác máy tàu biển	Khá	Miễn TA	
34.	Nguyễn Bảo	Long	Nam	01.01.2000	Nam Định	Kinh tế vận tải biển	Khá	Miễn TA	
11. Ngành: Kỹ thuật xây dựng - Mã số 8580201 **Chuyên ngành: Quản lý dự án đầu tư và xây dựng (05 thí sinh)**									
35.	Nguyễn Văn	Bình	Nam	25.05.1983	Hải Phòng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	69	
36.	Nguyễn Như	Duẩn	Nam	24.10.1993	Hải Phòng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xuất sắc	80	
37.	Lương Kim	Sơn	Nam	02.02.1993	Hà Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Trung bình	64	
38.	Đào Quang	Thịnh	Nam	28.12.2000	Hải Phòng	Luật	Trung bình	62	
39.	Đào Xuân	Việt	Nam	13.10.1999	Hải Phòng	Kỹ thuật cầu đường	Khá	Miễn TA	

Tổng số: 39 thí sinh.

Tổng cộng: 157 thí sinh trúng tuyển./.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

PGS.TS. Phạm Xuân Dương

Scanned with CamScanner